

TTT

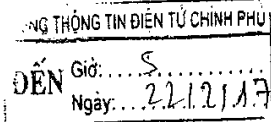
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **244** /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày **20** tháng **02** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 01/TTr-BLĐTBXH ngày 16 tháng 01 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 103 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng và 20 tỉnh, thành phố: Bạc Liêu, Bắc Giang, Bình Dương, Bình Phước, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hà Nội, Hải Dương, Hòa Bình, Long An, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Nam, Tiền Giang, Thái Bình, Trà Vinh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc (có danh sách kèm theo).

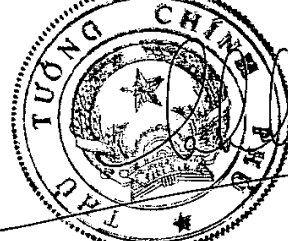
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành,
TGD Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), LHN (6 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trương Hòa Bình



DANH SÁCH LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP "BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG"

(Kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ QUỐC PHÒNG

1. Liệt sĩ: Dương Lê Minh

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 2016.

2. Liệt sĩ: Đặng Đình Duy

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 2016.

3. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tùng

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 10 năm 2016.

4. Liệt sĩ: Bùi Văn Thường

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 01 năm 2016.

5. Liệt sĩ: Hoàng Thăng Nam

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Trung Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 2016.

TỈNH BẠC LIÊU

6. Liệt sĩ: Đoàn Văn Hy*

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1962.

7. Liệt sĩ: Đặng Văn Ân*

Nhân viên công trường, nguyên quán: xã Thạch Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1971.

TỈNH BẮC GIANG

8. Liệt sĩ: Hoàng Văn Tuê

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1952.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Minh*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1969.

10. Liệt sĩ: Hoàng Văn Khuya*

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972.

TỈNH BÌNH DƯƠNG

11. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Sương

Cơ sở mật, nguyên quán: xã Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1965.

12. Liệt sĩ: Bạch Văn Tám

Y tá xã, nguyên quán: xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968.

13. Liệt sĩ: Đỗ Văn Đăng*

Đoàn trưởng Đoàn thanh niên tiên phong Phạm Ngũ Lão, nguyên quán: phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1945.

14. Liệt sĩ: Dương Minh Phương*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 5 năm 1978.

TỈNH BÌNH PHƯỚC

15. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Mạnh

Giao liên Ban Trí vận T4, nguyên quán: Campuchia, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1973.

TỈNH CAO BẰNG

16. Liệt sĩ: Lý Văn Công (Koong)*

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quy Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

17. Liệt sĩ: Đặng Thị Bốn

Du kích mật, nguyên quán: phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970.

18. Liệt sĩ: Phạm Thị Thân

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970.

19. Liệt sĩ: Mai Đăng Toàn

Giao liên, nguyên quán: phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Hiền

Cán bộ binh vận, nguyên quán: phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1974.

21. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Thủy

Thương binh 2/4 (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 02 năm 2009.

TỈNH ĐẮK LẮK

22. Liệt sĩ: Trần Thị Ngọc Ánh

Du kích mật, nguyên quán: xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1974.

TỈNH ĐỒNG NAI

23. Liệt sĩ: Tòng Văn Trạch

Du kích xã, nguyên quán: xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1971.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

24. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhiên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 02 năm 2016.

25. Liệt sĩ: Lê Đức Sinh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 2015.

26. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thuận

Đội viên du kích, nguyên quán: phường Phương Canh, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1949.

27. Liệt sĩ: Phan Trọng Thành*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1965.

28. Liệt sĩ: Trần Quyết Chiến

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 04 năm 2015.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Khắc Lư*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1974.

30. Liệt sĩ: Hồ Xuân Khanh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 12 năm 2015.

31. Liệt sĩ Đỗ Đức Miên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 10 năm 2015.

32. Liệt sĩ: Liêu Văn Hương

Du kích xã, nguyên quán: xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

33. Liệt sĩ: Phạm Văn Mạnh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 10 năm 2015.

34. Liệt sĩ: Phùng Văn Phi

Du kích xã, nguyên quán: xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1952.

TỈNH HẢI DƯƠNG

35. Liệt sĩ: Lưu Duy Liên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 92%), nguyên quán: phường Chí Minh, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 2015.

36. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hội

Chi ủy viên ban kháng chiến lâm thời, nguyên quán: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 6 năm 1954.

37. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kênh

Du kích xã, nguyên quán: xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 11 năm 1949.

38. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bài

Du kích xã, nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1953.

TỈNH HÒA BÌNH

39. Liệt sĩ: Bùi Văn Sinh

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 71%), nguyên quán: xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 2015.

40. Liệt sĩ: Hà Văn Dương

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Xăm Khòe, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 2015.

TỈNH LONG AN

41. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sơn

Công dân, nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 16 tháng 12 năm 1944.

42. Liệt sĩ: Đặng Văn Tiết

Công dân, nguyên quán: xã Long Ngãi Thuận, huyện Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 17 tháng 11 năm 1942.

43. Liệt sĩ: Ngô Văn Ký

Trạm trưởng Trạm y tế xã, nguyên quán: xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 01 năm 1946.

44. Liệt sĩ: Lê Văn Kim

Công an xã, nguyên quán: xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1948.

45. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhường

Liên lạc viên, nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1960.

46. Liệt sĩ: Phan Văn Sinh

Giao liên ấp, nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1946.

47. Liệt sĩ: Phạm Văn Dương

Phó Công an xã, nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 10 năm 1954.

48. Liệt sĩ: Trần Văn Lôm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 01 năm 1951.

TỈNH NINH THUẬN

49. Liệt sĩ: Trần Thuôn

Cán bộ dân vận, nguyên quán: phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1951.

50. Liệt sĩ: Trần Hữu Trung

Đội trưởng đội thiếu niên tiền phong, nguyên quán: phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 4 năm 1948.

51. Liệt sĩ: Trần Ty

Cán bộ dân vận, nguyên quán: phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1948.

52. Liệt sĩ: Bùi Tiên

Cán bộ dân vận, nguyên quán: phường Văn Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1948.

TỈNH PHÚ THỌ

53. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tích

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 12 năm 2015.

TỈNH QUẢNG NAM

54. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Si

Tổ viên tổ dân công, nguyên quán: xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1968.

55. Liệt sĩ: Võ Khảm

Phó ban nông thôn hội, nguyên quán: xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967.

56. Liệt sĩ: Đặng Giới

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1967.

57. Liệt sĩ: Nguyễn Thị

Cán bộ nông thôn hội, nguyên quán: xã Quế Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968.

58. Liệt sĩ: Đào Miên

Cán bộ lão thành thôn, nguyên quán: xã Đại Phong, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969.

59. Liệt sĩ: Trần Cây

Giao liên xã, nguyên quán: xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1967.

TỈNH TIỀN GIANG

60. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ưa (Sáu Cống)

Cán bộ bảo vệ căn cứ chi bộ nông thôn, nguyên quán: xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1966.

61. Liệt sĩ: Phạm Hồng Sương

Công an xã, nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968.

62. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tình

Đội viên đội tải xã, nguyên quán: xã Diêm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968.

63. Liệt sĩ: Đỗ Văn Vịnh

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1973.

64. Liệt sĩ: Trần Văn Chà

Đội viên đội dân quân xã, nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1948.

65. Liệt sĩ: Dương Văn Dinh

Giao liên huyện, nguyên quán: xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1973.

TỈNH THÁI BÌNH

66. Liệt sĩ: Trần Thị Nai

Đội viên du kích xã, nguyên quán: xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1952.

67. Liệt sĩ: Trần Văn Còm

Quân báo du kích, nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 5 năm 1954.

68. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Tập

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 2015.

69. Liệt sĩ: Đỗ Mạnh Cường

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 10 năm 2014.

70. Liệt sĩ: Phạm Văn Sắt

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 02 năm 2016.

71. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Uy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 2015.

72. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lắm

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1953.

73. Liệt sĩ: Đinh Khắc Thúc

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 5 năm 1950.

74. Liệt sĩ: Nguyễn Năng Viện

Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 02 năm 1952.

75. Liệt sĩ: Vũ Văn Sóc

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 3 năm 1950.

76. Liệt sĩ: Vũ Duy Đầu

Đội trưởng đội tự vệ thôn, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 5 năm 1951.

77. Liệt sĩ: Đinh Văn Phi

Đội trưởng đội du kích, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1951.

78. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Sơn

Đội trưởng đội du kích thôn, nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 03 tháng 3 năm 1950.

79. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Giá

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949.

80. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Hách

Tổ trưởng biệt động, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1950.

81. Liệt sĩ: Bùi Đình Thấu

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 3 năm 1954.

82. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thi

Đội viên du kích, nguyên quán: thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 3 năm 1951.

83. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Hợi

Trưởng thôn, nguyên quán: xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1951.

84. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Ngà

Chính trị viên thôn đội, nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1953.

85. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Bạt

Trưởng thôn, nguyên quán: xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1950.

86. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Tư

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1950.

87. Liệt sĩ: Lê Xuân Sao

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1950.

88. Liệt sĩ: Nguyễn Thiện Giá

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1950.

89. Liệt sĩ: Nguyễn Thiện Khả

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1950.

90. Liệt sĩ: Nguyễn Đắc Liên (Chen)

Trưởng thôn, nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1951.

91. Liệt sĩ: Lê Viết Thời

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1949.

92. Liệt sĩ: Nguyễn Giong

Đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1941.

93. Liệt sĩ: Đoàn Vũ Quyền

Đội trưởng đội du kích xã, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 3 năm 1950.

94. Liệt sĩ: Lê Trọng Trí

Ủy viên nông hội đỏ, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 9 năm 1937.

TỈNH TRÀ VINH

95. Liệt sĩ: Đỗ Văn Chữ*

Công an vũ trang, nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975.

96. Liệt sĩ: Trần Văn Nhựt

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 7 năm 2012.

97. Liệt sĩ: Phan Văn Lên

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hiệp Mỹ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1962.

TỈNH VĨNH LONG

98. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hai

Hội viên hội phản đế xã, nguyên quán: xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 06 tháng 01 năm 1943.

99. Liệt sĩ: Trần Văn Ngộ

Phó bí thư Chi bộ xã, nguyên quán: xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 01 năm 1943.

100. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Phát

Cán bộ Ban Tuyên truyền tỉnh ủy, nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 26 tháng 11 năm 1942.

TỈNH VĨNH PHÚC

101. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Được*

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1971.

102. Liệt sĩ: Triệu Quang Trí

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 3 năm 2016.

103. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Tiến

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 7 năm 2016./.
